

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 06/5/2020  
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Lan Chi**

**Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương**  
**2. Ông Vũ Mạnh Huê**

**- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân  
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên  
tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 851/2019/TLST-  
HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình theo  
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 2 năm 2020;  
Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2020; Quyết định  
hoãn phiên tòa số 11A/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thanh T** – Sinh năm: 198X; Hộ khẩu  
thường trú: Số 8 ngõ 107 ngách 55 Tổ 45 phường V, quận H, Hà Nội. Cư trú: Số  
76A hẻm 13 ngách 90 ngõ 71, Tổ 32 phường V, quận H, Hà Nội. (Có mặt tại  
phiên tòa)

**2. Bị đơn: Anh Vũ Tiến V** – Sinh năm: 196X; Hộ khẩu thường trú: Số 24C  
phố Đ, phường T, quận H, Hà Nội; Nơi làm việc: Số 79 phố H, phường B, quận H,  
Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn xin ly hôn ngày 29/11/2019, Bản tự khai ngày 20/12/2019 và lời  
khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn – chị Phan Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Vũ Tiến V lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 08/4/201X tại  
UBND xã Đ, huyện M, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Anh chị đã  
chung sống như vợ chồng với nhau từ trước đó, sau khi chị có thai thì mới làm thủ  
tục đăng ký kết hôn. Trước khi kết hôn với chị, anh V đã có một đời vợ, nhưng vợ

anh V chết, anh V đã có 03 con riêng. Quá trình chung sống ngay sau khi kết hôn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V sống không chung thủy, có quan hệ ngoài vợ ngoài chồng với người phụ nữ khác, coi thường gia đình chị. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột. Anh chị đã nhiều lần tìm cách hòa giải nhưng không được. Mặc dù kết hôn nhưng chị và anh V không chung sống một nhà, chị sống ở nhà riêng của chị, còn anh V sống cùng các con riêng tại nhà riêng của anh V. thỉnh thoảng anh V về ở với chị một hai ngày rồi lại đi. Tuy ở cùng nhau thời gian ít như vậy nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên xung đột, bất hòa, cuộc sống vô cùng căng thẳng, mệt mỏi. Năm 2017 chị đã gửi đơn xin ly hôn anh V, nhưng vì nghĩ thương con còn nhỏ nên chị đã rút đơn ly hôn về để vợ chồng tìm cách hòa giải, đoàn tụ. Nhưng sau thời gian đó tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, vẫn căng thẳng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vô cùng nặng nề, mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung, chị và anh V có một con chung là Vũ Thị Ngân G, sinh ngày 7/6/201X. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh V đóng góp nuôi con. Hiện chị đang làm tự do, thu nhập khoảng 20 triệu đồng/tháng. Hiện tại chị đang nuôi cháu G, hai mẹ con sống tại số 76A Tổ 32 Ngõ 13 Ngách 90/71 phường V, quận H, Hà Nội là nhà riêng của chị.

Về tài sản chung, nhà ở chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, chị và anh V không nợ chung ai và không ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

*Bị đơn – Anh Vũ Tiến V:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Vũ Tiến V đến Tòa để lấy lời khai, giao nộp chứng cứ, anh V đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh V và không tiến hành hoà giải được vụ án.

**Tại phiên tòa:**

Chị T vẫn giữ nguyện vọng xin ly hôn. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có cuộc sống chung đúng nghĩa, nhà ai người đó ở, kinh tế độc lập, không có sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Chị xin ly hôn anh V để được ổn định cuộc sống. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, chị vẫn giữ nguyện vọng như đã trình bày. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành đúng quy

định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có lời khai gửi Toà án và không đến Toà án giải quyết vì vậy Toà án không lấy được lời khai của anh V và không tiến hành hoà giải được vụ án ly hôn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung, giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh V kể từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, nhà ở chung, về công nợ, chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí, chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Tại Đơn xin ly hôn thể hiện bị đơn – anh Vũ Tiến V có hộ khẩu thường trú tại số 24C phố Đ, phường T, quận H, Hà Nội và làm việc tại số 79 phố H, phường B, quận H, Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình trên, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án, đã tổng đạt hợp lệ cho anh V. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo của Tòa án, anh V không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và cũng không gửi cho Tòa án tài liệu, chứng cứ bảo vệ cho quyền lợi của mình.

Ngày 14/01/2020 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng ra Thông báo đến Tòa án lấy lời khai và giao nộp chứng cứ lần 1 cho anh V. Ngày 06/2/2020 TAND quận Hai Bà Trưng ra Thông báo đến Tòa án lấy lời khai và giao nộp chứng cứ (lần 2) đối với anh V. Ngày 17/2/2020 TAND quận Hai Bà Trưng ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các Thông báo trên, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự, anh V đã trực tiếp nhận. Nhưng cả 03 lần chỉ có chị T có mặt theo đúng thời gian, địa điểm Tòa án đã thông báo còn anh V đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX-ST ngày 26/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 11A/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2020 cho anh Vũ Tiến V nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của anh V và không tiến hành hoà giải được vụ án. Hội đồng xét xử không có cơ sở

xem xét ý kiến của anh V. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

## **[2] Về nội dung vụ án:**

2.1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị Thanh T và anh Vũ Tiến V lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 08/4/2010 tại UBND xã Đ, huyện M, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo cung cấp của đại diện tại địa phương nơi chị T sinh sống thể hiện: Chị T và anh V sống ly thân nhiều năm, chỉ có hai mẹ con và không có chồng sống cùng.

Xét thấy, chị T, anh V kết hôn nhưng không duy trì cuộc sống chung vợ chồng, vợ chồng sống mỗi người mỗi nơi, không quan T, chăm sóc nhau, giữa hai vợ chồng không còn sự gắn kết, sẻ chia, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Năm 2017 chị T đã gửi đơn xin ly hôn anh V, nhưng vì nghĩ thương con còn nhỏ nên chị T đã rút đơn ly hôn. Sau khi rút đơn, cuộc sống hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện nên chị T nộp lại đơn xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh V đến để lấy lời khai, giao nộp chứng cứ và hòa giải nhưng anh V không đến, không có lý do. Anh V đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh V và không tiến hành hoà giải được vụ án. Thực tế thể hiện tình trạng hôn nhân của chị T và anh V đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị T và anh V có một con chung tên là: Vũ Thị Ngân G, sinh ngày 07/6/201X. Hiện con chung đang ở với chị T. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh V đóng góp nuôi con.

Xét việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Anh V, chị T không chung sống với nhau nhiều năm, chị T vẫn chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Hiện hai mẹ con đang sinh sống tại nhà riêng của chị T tại số 76A hẻm 13 ngách 90 ngõ 71, Tổ 32 phường V, quận H, Hà Nội. Chị T làm nghề tự do, thu nhập 20 triệu đồng/tháng. Vì vậy, nguyện vọng được nuôi con của chị T là chính đáng. Ngoài ra, tại Đơn đề nghị ngày 26/2/2020 cháu G có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh V kể từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về công nợ: Chị T xác nhận không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh V không có ý kiến về tài sản, nhà ở và công nợ của vợ chồng do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác khi anh V có đơn yêu cầu.

2.5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Chị T, anh V có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

***Từ những nhận định trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 220; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phan Thị Thanh T đối với anh Vũ Tiến V. Chị T được ly hôn anh V.

2. Về con chung: Chị T và anh V có một con chung là: Vũ Thị Ngân G, sinh ngày 07/6/201X.

Giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh V kể từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh V có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác cho anh V khi có đơn yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Phan Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số

AA/2017/0003147 ngày 17/12/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T, vắng mặt anh V. Chị T có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt Bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
- UBND xã Đ, huyện M, Hà Nội  
(Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2010,  
quyển số 01/2007 ngày 08/4/2010)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Lan Chi**